TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ R** **TỈNH KHÁNH HÒA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2021
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Tá

Bà Phạm Thị Thúy

- *Thư ký phiên toà:* Bà Trần Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa:* Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2021 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 63/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị H, sinh ngày: 07/01/1986; Hộ khẩu thường trú: Xóm W, xã NK, huyện LN, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố NM, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Bà H có đơn xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công L, sinh ngày: 10/12/1976; Hộ khẩu thường trú: Xóm W, xã NK, huyện LN, tỉnh Hà Nam; Chỗ ở hiện nay: Tổ dân phố NM, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 11/3/2021 và bản tự khai ngày 19/4/2021, nguyên đơn bà Trần Thị H trình bày:* Bà và ông Nguyễn Công L tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân xã NK, huyện LN, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01 ngày 12/02/2007.

Quá trình chung sống, bà và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn. Do ông bà bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp, thường xuyên cải vã, xúc phạm nhau. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải nhưng ông bà vẫn không hàn gắn được tình cảm. Nhận thấy mâu thuẫn của bà và ông L đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông L.

- Về con chung: Bà và ông L có 02 con chung Nguyễn Công T, sinh ngày: 22/6/2009 và Nguyễn Thị Khánh Y, sinh ngày: 14/02/2012. Hiện bà đang nuôi dưỡng hai con chung nên yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con chung; không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà và ông L tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Bà và ông L không nợ.

* Bị đơn ông Nguyễn Công L có mặt tại địa phương, đã được Tòa án tiến hành đầy đủ các thủ tục theo pháp luật tố tụng dân sự nhưng ông L cố tình vắng mặt, không đến Tòa để cung cấp lời khai cũng như tham gia vào các phiên hòa giải, xét xử.

** Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà H. Về quan hệ hôn nhân: Bà H được ly hôn ông L; về con chung: Giao con chung cho bà H nuôi dưỡng, ông L không cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét. Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

** Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án:* Giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01 ngày 12/02/2007 (bản sao); Giấy khai sinh con chung (bản sao); Sổ hộ khẩu và sổ tạm trú đứng tên Nguyễn Công L (bản sao); Giấy chứng minh nhân dân mang tên bà H (bản sao); Biên bản xác minh ngày 20/4/2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình mà bị đơn có nơi cư trú tại thành phố R nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Trần Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Công L. Căn cứ vào nội dung vụ án, căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn".

[1.3] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng:

Ngày 24/5/2021, nguyên đơn bà H có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của bà H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

Tại phiên tòa, vắng mặt bị đơn ông L nhưng ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân xã NK, huyện LN, tỉnh Hà Nam cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01 ngày 12/02/2007 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn; do vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, cãi vã, xúc phạm nhau. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông L. Trong quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông L đến Tòa để trình bày ý kiến, tham gia hòa giải, xét xử nhưng ông L không chấp hành, thể hiện thái độ thờ ơ, bỏ mặc cuộc sống hôn nhân của ông bà. Tại Biên bản xác minh ngày 20/4/2021, chính quyền địa phương cung cấp: "Ông Nguyễn Công L, sinh năm: 1976 với chị Trần Thị H, sinh năm: 1986 có đăng ký tạm trú tại tổ dân phố NM, phường BN, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Nguyên nhân mâu thuẫn của anh L, chị H là gì thì chính quyền địa phương không biết do anh L, chị H không thông báo cũng như hòa giải tại địa phương." Xét thấy: Vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau nhưng ông L, bà H đã vi phạm quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân L vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà H yêu cầu được ly hôn với ông L là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của bà H.

[2.2] Về con chung: Bà H và ông L có 02 con chung Nguyễn Công T, sinh ngày: 22/6/2009 và Nguyễn Thị Khánh Y, sinh ngày: 14/02/2012. Bà H yêu cầu được nuôi 02 con chung. Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Hai cháu T, Y có nguyện vọng được sống cùng với mẹ và hiện nay cũng đang sống với mẹ. Do đó, xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao 02 con chung T, Y cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn".

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

<u>Tuyên xử:</u> Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Trần Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị H được ly hôn ông Nguyễn Công L.

2. Về con chung: Bà Trần Thị H được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung Nguyễn Công T, sinh ngày: 22/6/2009 và Nguyễn Thị Khánh Y, sinh ngày: 14/02/2012.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Trần Thị H không yêu cầu ông Nguyễn Công L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

* Vì lợi ích của con, hai bên có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người nuôi con, cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được quyền cản trở người đó thực hiện quyền này.

3. Về tài sản chung: Bà Trần Thị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Trần Thị H phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm về "Ly hôn" nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0001229 ngày 17/3/2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Bà H đã nộp đủ tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Bà Trần Thị H, ông Nguyễn Công L có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tống đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND xã NK, huyện LN, tỉnh Hà Nam;
- Các đương sự;
- Lưu án văn.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Hồng Công